

Số: 254 /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Văn bản số 365/CV-NPMC ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, địa chỉ tại xóm Hà Thượng, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo" có địa chỉ tại xã Đại Phúc, xã An Khánh và xã Phú Lạc, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đại Phúc, xã An Khánh và xã Phú Lạc, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2010, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18 tháng 01 năm 2026.

Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000026 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp chứng nhận lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 10 tháng 01 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 4600864513.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến khoáng sản vonfram, fluorit, bismuth, đồng và vàng; cho thuê đất sản xuất công nghiệp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: 613,35 ha (bao gồm 1,06 ha cho Công ty TNHH Vonfram Masan thuê; không bao gồm 18,05 ha chưa hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng).

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư Nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

- Công suất khai thác, chế biến: 3.500.000 tấn quặng nguyên khai/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất của cơ sở:

** Công nghệ khai thác:*

- Công nghệ khai thác lộ thiên: Xúc bốc loại bỏ lớp đất phủ → Khoan, nổ mìn loại bỏ lớp đá thải → Khoan, nổ mìn để khai thác quặng.

+ Đối với đất phủ (xúc trực tiếp): Xúc bốc → Vận chuyển → Lưu trữ tại bãi đất đá thải phía Bắc, bãi trữ đất mặt phía Bắc đập hồ chứa quặng đuôi oxit → Lưu trữ để sử dụng trong cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Đối với đất, đá thải: Khoan, nổ mìn → Xúc bốc → Vận chuyển → Đổ thải tại bãi đất đá thải phía Bắc, phía Nam và bãi thải trong moong khai thác phía Đông.

+ Đối với quặng: Khoan, nổ mìn → Xúc bốc → Vận chuyển → Dỡ tải tại bãi tập kết quặng → Trạm nghiền đập của nhà máy chế biến.

** Công nghệ chế biến:*

+ Tuyển đồng (Cu): Quặng nguyên khai → Đập, nghiền thô → Nghiền tinh → Cô đặc → Tuyển nổi đồng thô và tuyển tinh → Tinh quặng Cu 22-24% (1) (→ Đóng bao) + Đuôi quặng tuyển thô (2) và đuôi quặng tuyển tinh (a).

+ Tuyển nổi sunfua khối lớn: Đuôi quặng tuyển thô (2) + Đuôi quặng tuyển tinh 1 (b) → Thùng khuấy tiếp xúc BSF → Tuyển nổi thô → Đuôi thô BSF → Cùm Cyclone và tuyển nổi nhanh tuyển thô BSF → (Dòng tràn cyclone và đuôi tuyển nổi nhanh → Đuôi BSF đi tuyển vonfram)/Tinh quặng sunfua (3).

+ Tinh quặng sunfua (3) → Tuyển tinh lần 1 → Đuôi quặng tuyển tinh 1 (b)/Tinh quặng tuyển tinh 1 → Tuyển tinh lần 2 → Tinh quặng (4) + Đuôi quặng (chứa vonfram và CaF_2 hạt mịn) → Tuyển trọng lực vonfram (5) hoặc Tuyển nổi tinh quặng fluorit.

+ Tuyển nổi bismuth: Tinh quặng (4) + Đuôi quặng tuyển tinh (a) → Phễu nạp liệu nghiền lại → Cyclone → Tuyển nổi thô → Tinh quặng tuyển thô → Tuyển cột làm sạch → Bể điều hòa → Lọc → Cô đặc → Tinh quặng (8). Dòng đuôi thải sau tuyển nổi bismuth (quặng đuôi sunfua) → Hồ chứa quặng đuôi sunfua (sau đây gọi là hồ STC).

+ Tuyển trọng lực vonfram (5): Đuôi quặng (chứa vonfram và CaF_2 hạt mịn) → Lưới lọc rác → Bể điều hòa → Phân loại bằng phân cấp → Phân tách bằng trọng lực vít xoắn và bàn đãi (thô - mịn) → Tuyển nổi loại bỏ sunfua → Tinh quặng vonfram (6)/Đuôi quặng (7).

+ Tinh quặng vonfram (6) → Tuyển từ thấp → Khử nước → Sấy → Tuyển từ cao → Quặng tinh vonfram khô → Đóng bao.

+ Tuyển nổi tinh quặng fluorit: Đuôi quặng (7) → Bể cô đặc, phối trộn hoá chất, phụ gia → Tuyển nổi thô → Làm sạch cấp 1 → Nghiền bi/Phân cấp Cyclone → Tuyển tinh 2,3,4,5 → Tách từ ướt 2 cấp (cường độ thấp + cao) → Bể cô đặc tinh quặng → Lọc chân không → Tinh quặng fluorit → Băng tải → Kho chứa; Dòng đuôi thải sau tuyển nổi tinh quặng fluorit (quặng đuôi oxit) → Hồ chứa quặng đuôi oxit (sau đây gọi là hồ OTC).

+ Tinh quặng (8) → Ngâm chiết → Phản ứng Thủy luyện → Bùn quặng → Lọc → Sản phẩm đồng hành của bismuth xi măng (có chứa vàng) + bismuth hòa tan (9).

+ Bismuth hòa tan (9) → Kết tủa → Lọc tách rắn → Bismuth xi măng + Dung dịch sau tách lọc (10).

+ Xử lý thải: Dung dịch sau lọc (10) → Bể trung hòa kết tủa kim loại (bằng $(\text{CaOH})_2$) → Phản ứng (oxy hoá Fe) → Bể cô đặc tốc độ cao → Dịch tràn → Một phần tuần hoàn sử dụng (bể ngâm chiết bismuth, trộn vôi, rửa tinh quặng)/Một phần trung hòa ($+\text{H}_2\text{O}_2$, CuSO_4) → Hồ chứa quặng đuôi sunfua.

(Công nghệ chế biến của cơ sở trong phạm vi cấp phép này không bao gồm công nghệ chế biến, thu hồi vàng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ban hành đến hết ngày 13 tháng 8 năm 2031 (theo đề nghị của Công ty).

(Từ ngày giấy phép môi trường này được ban hành đến ngày 13 tháng 8 năm 2031 theo thời gian khai thác khoáng sản tại Quyết định số 639/QĐ-BNNMT ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp bổ sung khai thác hầm lò hoặc được gia hạn thời gian khai thác khoáng sản và cải tạo, phục hồi môi trường, Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định.

Giấy phép môi trường số 563/GPMT-BNNMT ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. *uk*

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thái Nguyên (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, L9. *phb*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Le Thanh
Lê Công Thành